

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 531 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định cụ thể hoá Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới  
và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn  
tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại công văn số 313/SNN-VPĐP ngày 17/02/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể hoá Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 – 2020.

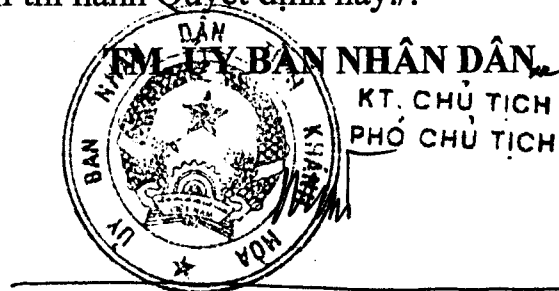
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh về việc cụ thể hoá Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và quy định mức đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCĐ TW và VPĐP TW CT XD NTM;
- TU, HĐND và các ban HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HB, TLe.

NTM-2.22



**QUY ĐỊNH**

**Cụ thể hoá Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 - 2020; làm cơ sở để đánh giá công nhận đạt từng tiêu chí và công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với 94 xã (theo Phụ lục 1 đính kèm); các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nông thôn là phần lãnh thổ được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.

2. Thôn là tên gọi chung của tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một xã.

3. Xã đặc biệt khó khăn tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh:

- Giang Ly, Sơn Thái huyện Khánh Vĩnh; Ba Cùm Nam, Thành Sơn huyện Khánh Sơn; Sơn Tân huyện Cam Lâm (theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016)

- Vạn Thạnh, Vạn Phước, Vạn Khánh huyện Vạn Ninh (theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh

sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020)

4. Nhóm xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn là những xã đặc biệt khó khăn nêu trên và các xã còn lại thuộc 02 huyện miền núi Khánh Vĩnh, Khánh Sơn.

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 3. Nội dung cụ thể hoá Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2017 – 2020**

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
			Nhóm xã đồng bằng	Nhóm xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn
<b>I. QUY HOẠCH</b>				
1	Quy hoạch	1.1. Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	70%	70%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100% (cứng hóa 70%)	100% (cứng hóa 70%)
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	70%	70%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥80%	≥80%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥98%	≥98%

5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	≥80%	≥70%	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt	Đạt	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Đạt	
		8.2. Có dịch vụ viễn thông, Internet.	Đạt	Đạt	
		8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.	Không	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	≥80%	≥75%	
<b>III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người).	Năm 2017	≥31	≥31
			Năm 2018	≥35	≥35
			Năm 2019	≥38	≥38
			Năm 2020	≥41	≥41
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	≤5%	≤7%	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥90%	≥90%	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012.	Đạt	Đạt	
		13.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Đạt	
<b>IV. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt	Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥85%	≥70%	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	≥40%	≥25%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế.	≥85%	≥85%	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Đạt	

		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤24,2%	≤31,4%
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	≥70%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	≥95% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥50% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥85%	≥70%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥75%	≥60%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so	Đạt	Đạt

		với các năm trước.		
--	--	--------------------	--	--

**Điều 4. Hướng dẫn thực hiện Nội dung cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định mức đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020**

**Quan điểm hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí:**

- Các tiêu chí do xã trực tiếp theo dõi và đánh giá chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn bao gồm 14 tiêu chí: Quy hoạch; Giao thông; Thủy lợi; Cơ sở vật chất văn hóa; Cơ sở hạ tầng thương mại; Nhà ở dân cư; Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm; Tổ chức sản xuất; Văn hóa; Môi trường và an toàn thực phẩm; Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng và An ninh.

- Đối với các tiêu chí còn lại (bao gồm 05 tiêu chí: Điện; Trường học; Thông tin và truyền thông; Giáo dục và đào tạo; Y tế) do cấp tỉnh theo dõi và đánh giá mức độ đạt chuẩn.

**1. Tiêu chí Quy hoạch**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Quy hoạch khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai theo quy định đúng thời hạn;

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Việc đánh giá thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và quản lý quy hoạch chung xây dựng xã (theo mục 1, Phụ lục 2 đính kèm).

**2. Tiêu chí Giao thông**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Giao thông khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100%;

- Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 70%;

- Đường ngõ, xóm đảm bảo 100% không lầy lội vào mùa mưa (cứng hóa 70%);

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm; đạt tỷ lệ 70% được cứng hóa.

b) Đánh giá thực hiện:

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng

dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” để quy định quy mô kỹ thuật và mức đạt chuẩn cụ thể đối với các nhóm xã trên địa bàn.

### **3. Tiêu chí Thủy lợi**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có từ 80% trở lên diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động;

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 2, Phụ lục 2 đính kèm*).

### **4. Tiêu chí Điện**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Điện khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện;

- Có tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt từ 98% trở lên.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 3, Phụ lục 2 đính kèm*).

### **5. Tiêu chí Trường học**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Trường học khi:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 4, Phụ lục 2 đính kèm*):

### **6. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã;

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định;

- Có 100% số thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 5, Phụ lục 2 đính kèm*).

### **7. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Xã có chợ nông thôn hoặc chợ liên xã có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.
- Xã có điểm mua bán tập trung, giao thương hàng hóa.

b) Việc đánh giá thực hiện tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020.

### **8. Tiêu chí Thông tin và truyền thông**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Thông tin và truyền thông khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 6, Phụ lục 2 đính kèm*).

### **9. Tiêu chí Nhà ở dân cư**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Nhà ở dân cư khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát;
- Có tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Việc đánh giá thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư áp dụng theo Công văn số 117/BXD-QHKT ngày 21/01/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí nhà ở nông thôn.

### **10. Tiêu chí Thu nhập**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt mức tối thiểu:

- Năm 2017: 31 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2018: 35 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2019: 38 triệu đồng/người/năm;
- Năm 2020: 41 triệu đồng/người/năm.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 7, Phụ lục 2 đính kèm*).



## **11. Tiêu chí Hộ nghèo**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2017 – 2020 của xã đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 8, Phụ lục 2 đính kèm*).

## **12. Tiêu chí Lao động có việc làm**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Lao động có việc làm khi có tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 9, Phụ lục 2 đính kèm*).

## **13. Tiêu chí Tổ chức sản xuất**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Tổ chức sản xuất khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xã có Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 10, Phụ lục 2 đính kèm*).

## **14. Tiêu chí Giáo dục và đào tạo**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Giáo dục và đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 11, Phụ lục 2 đính kèm*).

## **15. Tiêu chí Y tế**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Y tế khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên;

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

- Có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết: *(theo mục 12, Phụ lục 2 đính kèm)*

### **16. Tiêu chí Văn hóa**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Văn hóa khi có từ 70% số thôn trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.

b) Việc đánh giá thực hiện thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa, áp dụng theo Hướng dẫn số 4688/HD-BVHTTDL ngày 14/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí Văn hóa trong Bộ tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### **17. Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường;

- Đạt xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn;

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;

- Có tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Có tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại, chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt mức quy định của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Có 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết *(theo mục 13, Phụ lục 2 đính kèm)*.

### **18. Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Có 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định;

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định;

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh";

- Có 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên;

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 14, Phụ lục 2 đính kèm*).

### **19. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh**

a) Xã đạt chuẩn tiêu chí Quốc phòng và an ninh khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng;

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Hướng dẫn thực hiện chi tiết (*theo mục 15, Phụ lục 2 đính kèm*).

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan theo dõi việc thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới các xã của UBND cấp huyện; thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho các xã đủ điều kiện xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo đề nghị của UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; chỉ đạo Văn phòng Điều phối tỉnh biên tập, in ấn và phát hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 – 2020 tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Nội dung phối hợp thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện từng tiêu chí với các sở, ngành như sau:

- Sở Xây dựng: Tiêu chí Quy hoạch; tiêu chí Nhà ở dân cư; chỉ tiêu Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch (thuộc nội dung tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm).

- Sở Giao thông vận tải: Tiêu chí Giao thông.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tiêu chí Thủy lợi; Tiêu chí Tổ chức sản xuất; chỉ tiêu Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo

quy định; chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (thuộc nội dung tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm) theo lĩnh vực ngành quản lý; nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ sản xuất (thuộc nội dung của tiêu chí Quy hoạch).

- Sở Công Thương: Tiêu chí Điện; tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (thuộc nội dung tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm) theo lĩnh vực ngành quản lý.

- Sở Y tế: Tiêu chí Y tế; chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (thuộc nội dung tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm) theo lĩnh vực ngành quản lý.

*(Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc nội dung tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm giữa 3 Sở Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế thực hiện theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa).*

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Tiêu chí Trường học; tiêu chí Giáo dục và đào tạo.

- Sở Văn hóa và Thể thao: Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa; tiêu chí Văn hóa; nội dung “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình” thuộc chỉ tiêu Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội *(thuộc nội dung tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật).*

- Sở Thông tin - Truyền thông: Tiêu chí Thông tin và Truyền thông.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tiêu chí Hộ nghèo; tiêu chí Lao động có việc làm; chỉ tiêu Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo *(thuộc nội dung tiêu chí Giáo dục và Đào tạo)*; nội dung “Bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực đời sống xã hội” thuộc chỉ tiêu Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội *(thuộc nội dung tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật).*

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm *(trừ chỉ tiêu Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định*

của Sở Nông nghiệp và PTNT, *chỉ tiêu Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch của Sở Xây dựng và chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm của 3 sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế*); Quy hoạch sử dụng đất (*thuộc nội dung của tiêu chí Quy hoạch*).

- Sở Nội vụ: Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (*trừ các chỉ tiêu: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định của Sở Tư pháp; Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Văn hóa và Thể thao*)

- Sở Tư pháp: Chỉ tiêu Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định (*thuộc nội dung tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật*).

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Chỉ tiêu Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (*thuộc nội dung tiêu chí Quốc phòng và An ninh*).

- Công an tỉnh: Chỉ tiêu Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước... (*thuộc nội dung tiêu chí Quốc phòng và An ninh*)

- Cục Thống kê: Tiêu chí thu nhập.

## **Điều 6. Trách nhiệm của UBND cấp huyện và UBND xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, hướng dẫn triển khai cụ thể thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; chịu trách nhiệm rà soát, thẩm tra, đánh giá, công nhận mức độ đạt chuẩn tiêu chí của các xã trên địa bàn; sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí xây dựng nông thôn mới; duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí cho các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Ủy ban nhân dân xã căn cứ hướng dẫn, tiến hành rà soát việc thực hiện các tiêu chí; tăng cường vận động sự đóng góp của cộng đồng, phát huy dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; chủ động triển khai thực hiện mục tiêu của Chương trình trên địa bàn xã.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Khi các tiêu chuẩn ngành có điều chỉnh, thay đổi thì những tiêu chuẩn được trích dẫn trong Quy định này được áp dụng theo tiêu chuẩn mới khi các văn bản điều chỉnh các tiêu chuẩn ngành có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời./.



**Đào Công Thiên**

## Phụ lục 1

### Danh sách xã và lộ trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn
<b>I. Huyện Ninh Hòa</b>		
1	Xã Vạn Lương	2015, nâng chất
2	Xã Vạn Hưng	2015, nâng chất
3	Xã Vạn Phú	2017
4	Xã Xuân Sơn	2020
5	Xã Vạn Thọ	2019
6	Xã Vạn Thắng	2016
7	Xã Vạn Bình	2020
8	Xã Vạn Phước	
9	Xã Vạn Long	
10	Xã Vạn Thạnh	
11	Xã Vạn Khánh	
<b>II. Huyện Ninh Hòa</b>		
12	Xã Ninh Quang	2014, nâng chất
13	Xã Ninh Phụng	2015, nâng chất
14	Xã Ninh Thọ	2016
15	Xã Ninh Sim	2019
16	Xã Ninh Sơn	2020
17	Xã Ninh Thượng	
18	Xã Ninh Tây	
19	Xã Ninh Tân	2019
20	Xã Ninh Trung	2020
21	Xã Ninh Lộc	
22	Xã Ninh Bình	2017
23	Xã Ninh Thân	2018
24	Xã Ninh Phước	
25	Xã Ninh Phú	
26	Xã Ninh Vân	
27	Xã Ninh Đông	2017
28	Xã Ninh Hưng	2017
29	Xã Ninh Ích	
30	Xã Ninh Xuân	2020
31	Xã Ninh An	
<b>III. Huyện Ninh Giang</b>		
32	Xã Vĩnh Trung	2015, nâng chất
33	Xã Vĩnh Phương	2016
34	Xã Vĩnh Ngọc	2014, nâng chất
35	Xã Vĩnh Thạnh	2015, nâng chất
36	Xã Vĩnh Hiệp	2014, nâng chất
37	Xã Vĩnh Thái	2020
38	Xã Vĩnh Lương	2020
39	Xã Phước Đông	2016
<b>IV. Huyện Diên Khánh</b>		
40	Xã Diên Phước	2014, nâng chất
41	Xã Diên Lạc	2014, nâng chất
42	Xã Diên Sơn	2015, nâng chất
43	Xã Diên Phú	2014, nâng chất
44	Xã Diên Điền	2016
45	Xã Diên Tân	
46	Xã Diên Bình	2020
47	Xã Diên Hòa	2017

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn
48	Xã Diên Lâm	2015, nâng chất
49	Xã Diên Lộc	2019
50	Xã Diên Xuân	
51	Xã Diên Đông	
52	Xã Diên Thọ	2015, nâng chất
53	Xã Suối Tiên	2019
54	Xã Diên An	2014, nâng chất
55	Xã Diên Toàn	2017
56	Xã Diên Thanh	2018
<b>V. Huyện Cam Lâm</b>		
57	Xã Cam Tân	2015, nâng chất
58	Xã Cam Hải Tây	2014, nâng chất
59	Xã Cam Hiệp Nam	2015, nâng chất
60	Xã Cam Hiệp Bắc	2017
61	Xã Cam Hòa	2017
62	Xã Cam Thành Bắc	2019
63	Xã Cam An Bắc	2020
64	Xã Suối Cát	2018
65	Xã Cam Phước Tây	
66	Xã Sơn Tân	Xã ĐBKK
67	Xã Cam An Nam	2020
68	Xã Cam Hải Đông	2016
<b>VI. Huyện Cam Ranh</b>		
69	Xã Cam Thành Nam	2014, nâng chất
70	Xã Cam Bình	2014, nâng chất
71	Xã Cam Thịnh Đông	2015, nâng chất
72	Xã Cam Lập	2015, nâng chất
73	Xã Cam Thịnh Tây	
74	Xã Cam Phước Đông	2018
<b>VII. Huyện Khánh Vĩnh</b>		
75	Xã Khánh Bình	Xã nghèo
76	Xã Sông Cầu	Xã nghèo - 2019
77	Xã Khánh Hiệp	Xã nghèo
78	Xã Khánh Phú	Xã nghèo
79	Xã Khánh Đông	Xã nghèo
80	Xã Khánh Trung	Xã nghèo
81	Xã Khánh Thượng	Xã nghèo
82	Xã Khánh Nam	Xã nghèo
83	Xã Giang Ly	Xã ĐBKK
84	Xã Sơn Thái	Xã ĐBKK
85	Xã Liên Sang	Xã nghèo
86	Xã Cầu Bà	Xã nghèo
87	Xã Khánh Thành	Xã nghèo
<b>VIII. Huyện Khánh Sơn</b>		
88	Xã Sơn Bình	Xã nghèo - 2020
89	Xã Sơn Hiệp	Xã nghèo
90	Xã Sơn Trung	Xã nghèo
91	Xã Ba Cùm Nam	Xã ĐBKK
92	Xã Ba Cùm Bắc	Xã nghèo
93	Xã Sơn Lâm	Xã nghèo
94	Xã Thành Sơn	Xã ĐBKK

Ghi chú: Xã ĐBKK là Xã đặc biệt khó khăn

## Phụ lục 2

### Hướng dẫn thực hiện Nội dung Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020

#### Mục 1

#### TIÊU CHÍ QUY HOẠCH

- Nội dung quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

- Thời gian công bố, công khai quy hoạch xây dựng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đề án quy hoạch xây dựng được phê duyệt (*theo quy định tại Điều 40 Luật xây dựng năm 2014*).

- Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

- Tổ chức cắm mốc chỉ giới xây dựng: Thực hiện theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

#### Mục 2

#### TIÊU CHÍ THỦY LỢI

##### 1. Giải thích từ ngữ

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động được hiểu là diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, hoặc tiêu nước kịp thời, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

##### 2. Đánh giá thực hiện

##### 2.1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động

a) Phương pháp xác định:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động xác định theo công thức sau:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%)$$

Trong đó:

+  $T_{\text{tưới}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động (%).



+ S<sub>1</sub>: Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới (ha).

+ S: Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch (ha).

S<sub>1</sub>, S: Được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động xác định theo công thức sau:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%)$$

Trong đó:

+ T<sub>tiêu</sub>: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động (%).

+ F<sub>1</sub>: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu (ha).

+ F: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã (ha).

F<sub>1</sub>, F: Được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Xã được đánh giá là đạt chỉ tiêu Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động khi T<sub>tưới</sub> ≥ 80% và T<sub>tiêu</sub> ≥ 80%.

\* Đối với các xã có đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối được đánh giá là đạt chỉ tiêu Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động khi có diện tích nuôi trồng thủy sản hoặc làm muối đảm bảo cấp, thoát nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

Cách xác định như sau:

- Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối được cấp, thoát nước chủ động xác định theo công thức:

$$T_k = \frac{K_1}{K} \times 100(\%)$$

Trong đó:

+ T<sub>k</sub>: Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối được cấp, thoát nước chủ động.

+ K<sub>1</sub>: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối thực tế được cấp, tiêu thoát nước đảm bảo (ha).

+ K: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối cần cấp, thoát nước theo kế hoạch (ha).

K<sub>1</sub>, K: Được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

- Xã được đánh giá là đạt chỉ tiêu Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động khi  $T_k$  đạt  $\geq 80\%$ ”.

## **2.2. Xã được đánh giá đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ khi đáp ứng:**

Tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương; các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh và có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai (*Chi tiết cụ thể theo biểu 1 đính kèm*)

### **Mục 3**

## **TIÊU CHÍ ĐIỆN**

### **1. Giải thích từ ngữ:**

- Hệ thống điện bao gồm: Các nguồn từ lưới điện quốc gia hoặc ngoài từ lưới điện quốc gia; hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây trung áp, các đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

- Sử dụng điện thường xuyên:

+ Đối với khu vực sử dụng nguồn từ lưới điện quốc gia: Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình;

+ Đối với khu vực sử dụng nguồn từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập: Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình. Số giờ cấp điện trong ngày đảm bảo lớn hơn 12 giờ/ngày đối với khu vực đất liền và lớn hơn 08 giờ/ngày đối với khu vực hải đảo.

### **2. Đánh giá thực hiện:**

Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí Điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

### **Mục 4**

## **TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC**

### **1. Giải thích từ ngữ**

- Trường học trên địa bàn xã bao gồm các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở (gồm cả trường học dùng chung, liên xã).

- Trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; gồm:

+ Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia trên tổng số trường học trên địa bàn xã.

## **2. Đánh giá thực hiện**

Áp dụng theo Công văn số 5869/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 29/11/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

### **Mục 5**

## **TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA**

### **1. Quy định đạt chuẩn**

#### **a) Đối với thiết chế văn hóa – thể thao xã**

- Có bố trí quỹ đất đưa vào quy hoạch (quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết) đủ diện tích và đầu tư xây dựng (diện tích, quy mô) Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã.

- Có nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 và Hướng dẫn số 3897/BVHTTDL-VHCS ngày 30/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời đảm bảo các điều kiện:

+ Có hội trường phục vụ sinh hoạt, hội họp, đọc sách, được đầu tư những trang thiết bị cơ bản để đáp ứng các tối thiểu nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền trên địa bàn (bàn ghế hội trường, âm thanh, ánh sáng, sách báo,...).

+ Có sân bãi thể thao đơn giản, được đầu tư các trang thiết bị tối thiểu, dụng cụ thể dục thể thao phù hợp các môn thể thao các xã phục vụ nhu cầu tập luyện và tổ chức thi đấu thể dục thể thao cho nhân dân trên địa bàn. Trong đó, có ít nhất 01 sân bóng đá 90m x 120m, sân cầu lông, bóng chuyền....(rào chắn các sân bãi thể thao bằng vật liệu đơn giản, có khung cầu môn sân bóng đá...).

+ Có bố trí điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Trong đó, hàng năm có phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tại địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là phụ huynh và học sinh về cách phòng, chống đuối nước cho trẻ em.

+ Xã có 100% thôn hoặc liên thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

+ Có quy chế hoạt động của nhà văn hóa, khu thể thao.

+ Kinh phí hoạt động hàng năm được bố trí đủ theo quy định tại Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa “Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011”, các văn bản có liên quan và quy định nguồn kinh phí xã hội hóa.

+ Nội dung hoạt động đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chỉ đạo, hướng dẫn của Phòng Văn hóa và thông tin cấp huyện.

+ Có cán bộ quản lý, tham mưu tổ chức các hoạt động do Phó Chủ tịch xã phụ trách Văn hóa – xã hội hoặc công chức Văn hóa – xã hội xã kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

b) Đối với thiết chế Văn hóa - thể thao thôn

- Có bố trí quỹ đất đưa vào quy hoạch (quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết) đủ diện tích và đầu tư xây dựng (diện tích, quy mô) Nhà Văn hóa – Khu thể thao xã theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa – Khu thể thao thôn.

- Có Nhà Văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 và Hướng dẫn số 3897/BVHTTDL-VHCS ngày 30/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời đảm bảo các điều kiện:

+ Có quy chế hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

+ Được đầu tư những trang thiết bị tối thiểu: bàn ghế, bộ khánh tiết, các thiết bị âm thanh, ánh sáng, quạt điện, tủ sách..... để phục vụ tổ chức hội họp và các buổi sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ ở khu dân cư.

+ Có Ban chủ nhiệm Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm, tự quản, tự trang trải từ nguồn kinh phí xã hội hóa và hỗ trợ của ngân sách xã. Những nơi có điều kiện khuyến khích việc vận động những người nhiệt tình, có kiến thức nghiệp vụ về văn hóa, thể thao tham gia quản lý và tổ chức các hoạt động theo hướng dẫn.

c) Xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất văn hóa:

c1) Xây dựng mới cơ sở vật chất văn hóa:

- Diện tích đất quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được tính gộp là tổng diện tích các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã và thôn. Địa điểm công trình văn hóa, thể thao không nhất thiết phải nằm trên cùng một vị trí.

- Thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa và tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hoạt động văn hóa – thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn xã và được tính chung khi xem xét, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa.

#### c2) Sử dụng cơ sở vật chất hiện có:

- Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa hoặc các cơ sở hoạt động văn hóa – thể thao trên địa bàn do các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đã xây dựng từ trước và đồng ý cho sử dụng, để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

- Một số địa phương có các thiết chế văn hóa truyền thống, nhưng chưa có nhà văn hóa, nếu được sự đồng ý của nhân dân và các đoàn thể địa phương có thể sử dụng thiết chế này tổ chức một số hoạt động văn hóa thể thao phù hợp.

- Một số thôn có số dân ít, địa giới hành chính gần nhau, được sự đồng thuận của nhân dân có thể tổ chức sinh hoạt văn hóa, thể thao tại một nhà văn hóa liên thôn.

Các địa phương sử dụng Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa đã xây dựng từ trước, nhà văn hóa liên thôn, sân vận động, cơ sở nhà trẻ, trường mẫu giáo (không còn hoạt động giáo dục) và cơ sở vật chất khác để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân vẫn được tính đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Về lâu dài, các địa phương này phải có quy hoạch, có lộ trình đầu tư cụ thể xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã; nhà văn hóa - khu thể thao thôn đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành.

## **2. Đánh giá thực hiện**

Áp dụng theo “Hướng dẫn số 4688/HD-BVHTTDL ngày 14/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện Tiêu chí 06 về Cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới”

### **Mục 6**

## **TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

### **1. Xã có điểm phục vụ bưu chính**

a) Điểm phục vụ bưu chính gồm bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hóa xã, kiốt, đại lý thuộc mạng bưu chính công cộng để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa.

b) Tiêu chuẩn điểm phục vụ bưu chính và điều kiện đạt chuẩn

b1) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ (tùy theo mô hình của từng loại điểm phục vụ bưu chính và điều kiện thực tế của địa phương);

- Có treo biển tên điểm phục vụ.

- Có treo số hiệu điểm phục vụ (đối với bưu cục và điểm Bưu điện – Văn hóa xã).

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

b2) Tiêu chuẩn về dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính

- Đối với dịch vụ thư: Tối thiểu phải cung ứng dịch vụ thư cơ bản, có địa chỉ nhận, có khối lượng đơn chiếc đến 02kg.

- Đối với dịch vụ gói, kiện hàng hóa: Tối thiểu phải cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

b3) Tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính

- Đối với dịch vụ thư cơ bản: Phải đáp ứng các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí; Mã số QCVN 01:2015/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đối với dịch vụ gói, kiện hàng hóa: Phải đáp ứng các quy định tại quy định về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công bố với khách hàng.

b4) Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn

Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất 01 điểm phục vụ để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

## **2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet**

a) Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng.

Điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng là điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ (Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bao gồm cả các đại lý dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông).

b) Tiêu chuẩn về dịch vụ viễn thông, internet và điều kiện đạt

b1) Tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ viễn thông, internet

- Chất lượng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, Mã số QCVN 35:2011/BTTTT.

- Chất lượng dịch vụ điện thoại di động đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất, Mã số QCVN 36:2015/BTTTT.

- Chất lượng dịch vụ truy nhập internet đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet gồm:

+ Internet cố định đáp ứng tiêu chuẩn tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất QCVN 34:2014/BTTTT.

+ Internet di động đáp ứng tiêu chuẩn tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất IMT-2000 QCVN 81:2014/BTTTT.

b2) Điều kiện tối thiểu xã đạt:

- Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, dịch vụ thông tin di động mặt đất) và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet (dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất, dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

- Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện trên thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet.

### **3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn**

a) Đài truyền thanh xã là Đài truyền thanh do UBND cấp xã trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị và kinh phí hoạt động. Đài truyền thanh xã có hai phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh: đài truyền thanh hữu tuyến (qua dây dẫn) và đài truyền thanh không dây (qua tần số vô tuyến điện).

b) Tiêu chuẩn đài truyền thanh xã, hệ thống loa đến thôn và điều kiện đạt

b1) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất:

- Đối với thiết bị truyền thanh không dây: Thông số kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn Việt Nam QCVN 30:2011/BTTTT và QCVN 70:2013/BTTTT.

- Đối với phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ: Đáp ứng các yêu cầu tại quy chuẩn Việt Nam QCVN 18:2014/BTTTT.

- Đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện: Tuân thủ quy định tại Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và Thông tư 05/2015/TT-BTTTT ngày 23/5/2015 của Bộ TTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử

dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn, thiết bị vô tuyến điện; sử dụng tần số vô tuyến điện.

- Đối với các đài truyền thanh không dây sử dụng công nghệ phát sóng vô tuyến, phải được cấp phép sử dụng tần số theo quy định, tuân thủ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/02/2009 phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020; Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM đến năm 2020.

Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT và Thông tư số 05/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc chứng nhận, công bố hợp quy trước khi làm thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

b2) Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn :

- Có đài Truyền thanh được thiết lập đáp ứng các quy định.

- Ít nhất 2/3 số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động.

#### **4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành**

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động; hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch.

b) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và điều kiện đạt

b1) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất:

- Tất cả các cơ quan: Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã có máy vi tính phục vụ công tác.

- Xã có Trang thông tin điện tử riêng hoặc có trang thông tin điện tử thành phần trên Trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố hoặc Trang/Cổng thông tin điện tử quận/huyện để cung cấp thông tin về xã và dịch vụ công trực tuyến.

b2) Điều kiện đạt tối thiểu:

- Về kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: Xã có ít nhất 2/3 số cán bộ, công chức quy định tại Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,5.

- Máy tính của các cơ quan: Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã có sử dụng dịch vụ truy nhập internet và thực hiện nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet.



- Trang thông tin điện tử riêng của xã hoặc trang thông tin điện tử thành phần trên Trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố hoặc Trang/Cổng thông tin điện tử quận/huyện và cung cấp tối thiểu các thông tin sau:

- + Tổ chức bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức;
- + Thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống, văn hóa, di tích, danh thắng (nếu có);
- + Tin tức về hoạt động của cơ quan nhà nước;
- + Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách;
- + Thông tin về định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- + Xã có ít nhất 02 hoạt động chuyên môn nghiệp vụ có ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý.

c) Khuyến khích các xã đã hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Có trang bị mạng máy tính nội bộ (LAN) phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên.

## Mục 7

### TIÊU CHÍ THU NHẬP

#### Phương pháp tính thu nhập bình quân đầu người/năm

a) Khái niệm, phương pháp tính:

Thu nhập bình quân đầu người /năm của xã: được tính bằng cách chia tổng thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú (NKTTTT) của xã trong năm cho số NKTTTT của xã trong năm.

Công thức:

$$\text{Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã} = \frac{\text{Tổng thu nhập của NKTTTT của xã trong năm}}{\text{NKTTTT của xã trong năm}}$$

b) Phạm vi tính toán:

- Chỉ tính thu nhập do NKTTTT của xã tạo ra, bất kể những người này làm việc và sản xuất kinh doanh trong hay ngoài địa bàn xã, không tính thu nhập của người ngoài xã đến làm việc và sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

- Không tính vào thu nhập cho NKTTTT của xã:

Các khoản tiền hoặc hiện vật được chuyển nhượng, chi trả trong nội bộ dân cư của xã, trừ các khoản đã được tính vào chi phí sản xuất.

Các khoản thu vào để chi chung của xã như: thu để đầu tư xây dựng các công trình, thực hiện các chương trình chung; thu vào ngân sách của xã....mà hộ không trực tiếp được nhận.

c) Thời điểm, thời kỳ thu thập số liệu

- Thời điểm thu thập số liệu

Số liệu về thu nhập được thu thập và báo cáo trong quý I năm sau năm báo cáo.

- Thời kỳ thu thập số liệu

Số liệu về thu nhập được thu thập trong thời kỳ 1 năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

*Ghi chú: Nếu thời kỳ thu thập số liệu không trùng với năm dương lịch thì thu thập số liệu trong 12 tháng qua tính từ thời điểm thu thập trở về trước.*

## Mục 8

### TIÊU CHÍ HỘ NGHÈO

#### 1. Giải thích từ ngữ

- Hộ nghèo đa chiều là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống; Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên được quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. (10 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin).

#### 2. Đánh giá thực hiện

Tỷ lệ hộ nghèo của xã được tính bằng cách chia tổng số hộ nghèo của xã (không bao gồm các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định công nhận sau các cuộc điều tra, rà soát định kỳ hằng năm trên địa bàn xã (không bao gồm các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo của xã} = \frac{\text{Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội)}}{\text{Tổng số hộ dân cư của xã (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội)}} \times 100\%$$

Trong đó: Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch UBND cấp xã công nhận, phân loại là hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội.

- Trường hợp hộ nghèo phát sinh và hộ thoát nghèo của xã trong năm sẽ do xã rà soát, quyết định công nhận theo các nội dung hướng dẫn quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hằng năm áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 (hoặc các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung khác nếu có) làm căn cứ để xác định mức độ đạt tiêu chí Hộ nghèo của xã.

(Chi tiết đánh giá thực hiện tiêu chí này áp dụng theo Công văn số 4999/LĐTBXH-KHTC ngày 12/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020)

## Mục 9

### TIÊU CHÍ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM

#### 1. Giải thích từ ngữ

Lao động có việc làm trong độ tuổi lao động của xã là số người trong độ tuổi lao động có tên trong sổ hộ khẩu thường trú hoặc sổ tạm trú của xã, trong thời gian tham chiếu có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) từ 01 giờ trở lên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

Người có việc làm bao gồm cả những người không làm việc trong tuần nghiên cứu nhưng đang có một công việc và vẫn gắn bó chặt chẽ với công việc đó (vẫn được trả lương/công trong thời gian không làm việc hoặc chắc chắn sẽ quay trở lại làm sau thời gian không quá 01 tháng).

Ngoài ra, những trường hợp cụ thể sau đây cũng được coi là người có việc làm:

- Người làm việc để nhận tiền lương, tiền công hay lợi nhuận nhưng đang tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo hoặc các hoạt động nâng cao kỹ năng do yêu cầu của công việc trong đơn vị;

- Người học việc, tập sự (kể cả bác sĩ thực tập) làm việc và có nhận được tiền lương, tiền công;

- Người làm việc trong các hộ/cơ sở kinh tế của chính họ để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ;

- Sinh viên/học sinh/người nghỉ hưu trong thời gian tham chiếu có làm một công việc từ 01 giờ trở lên để tạo thu nhập;

- Người đang tìm kiếm việc làm nhưng trong thời kỳ tham chiếu có làm một công việc từ 01 giờ trở lên để tạo thu nhập;

- Người đăng ký hoặc người nhận bảo hiểm thất nghiệp nhưng trong thời kỳ tham chiếu có làm một công việc từ 01 giờ trở lên để tạo thu nhập;

- Người làm việc vì mục đích tiền công, tiền lương hoặc lợi nhuận nhưng các khoản tiền lương, tiền công và lợi nhuận đó có thể không trả trực tiếp cho họ mà được tích lũy vào thu nhập chung của gia đình họ, bao gồm:

+ Người làm việc trong các đơn vị kinh doanh được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ;

+ Người thực hiện các phần việc, nhiệm vụ của một công việc làm công ăn lương được tổ chức bởi một thành viên gia đình.

## 2. Đánh giá thực hiện

- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số người có việc làm trong độ tuổi lao động so với tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.

Cách tính:

$$\text{Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động} = \frac{\text{Số người có việc làm trong độ tuổi lao động}}{\text{Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động}} \times 100\%$$

- Hàng năm, các địa phương căn cứ vào kết quả điều tra, tổng hợp dữ liệu Cung lao động của các xã theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động và Quyết định 1537/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, để tính tiêu chí “Lao động có việc làm”.

- Thời điểm điều tra: ngày 01 tháng 07 hàng năm.

- Thời gian đánh giá kết quả thực hiện: vào tháng 12 của năm thực hiện.

*(Chi tiết đánh giá thực hiện tiêu chí này áp dụng theo Công văn số 4999/LĐTBXH-KHTC ngày 12/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020)*

## Mục 10

### TIÊU CHÍ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012 khi có ít nhất 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau:

- Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã.

- Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất hoặc 01 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 02 năm.

- Có quy mô từ 10 thành viên trở lên.

- Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực.

**2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững khi:** Trên địa bàn xã có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu là 01 chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, 02 chu kỳ thu hoạch đối với các sản phẩm khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết.

Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn...để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của xã.

\* Việc đánh giá kết quả thực hiện nội dung *Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững theo Biểu 2 đính kèm.*

## Mục 11

### TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt các yêu cầu sau: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở.

(Chi tiết đánh giá áp dụng theo Công văn số 5869/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 29/11/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020).

### 3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo

Phương pháp tính toán:

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo được tính toán theo công thức sau:

$$\frac{\sum \text{số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã và đã được cấp văn bằng, chứng chỉ}}{\sum \text{số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã}} \times 100\%$$

*(Chi tiết đánh giá áp dụng theo Công văn số 4999/LĐTĐBXH-KHTC ngày 12/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020)*

## Mục 12 TIÊU CHÍ Y TẾ

1. **Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế** là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân trong xã có thẻ Bảo hiểm y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong xã.

Bảo hiểm y tế bao gồm: Bảo hiểm y tế do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm y tế bắt buộc hoặc bảo hiểm y tế tự nguyện.

2. **Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế** khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

3. **Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi** (chiều cao theo tuổi) là số trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp hơn chiều cao trung bình của trẻ cùng nhóm tuổi ( $\leq -2SD$ ) tính bình quân trên 100 trẻ cùng nhóm tuổi trong cùng thời điểm điều tra.

$$\text{Tỷ lệ \% SDD thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) của trẻ em < 5 tuổi} = \frac{\text{Tổng số trẻ em < 5 tuổi trong xã có chiều cao theo tuổi thấp hơn chiều cao trung bình } (\leq -2SD) \text{ của trẻ cùng nhóm tuổi trong cùng thời điểm điều tra}}{\text{Tổng số trẻ em cùng nhóm tuổi của xã được đo chiều cao trong cùng thời điểm điều tra}} \times 100$$

Việc đánh giá thực hiện đối với tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi), áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

## Mục 13

### TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

#### 1. Đối với yêu cầu về nước hợp vệ sinh và nước sạch

a) Nước hợp vệ sinh: là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thoả mãn các điều kiện: trong, không màu, không mùi, không vị. Ngoài ra cần kết hợp với những quan sát theo hướng dẫn dưới đây:

- Nước máy hợp vệ sinh là nước từ các công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn) có hệ thống đường ống cung cấp nước cho nhiều hộ gia đình thoả mãn điều kiện: Trong, không màu, không mùi, không vị.

- Giếng đào hợp vệ sinh: Giếng đào phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác ít nhất 10m. Thành giếng cao tối thiểu 0,6m được xây bằng gạch, đá và thả ống bụ sâu ít nhất 3m kể từ mặt đất. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

- Giếng khoan hợp vệ sinh: Giếng khoan phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

- Các nguồn nước hợp vệ sinh khác: Nước suối, nước mặt, nước mưa và nước mạch lộ hợp vệ sinh.

Khuyến cáo: Nước mưa thu hứng từ mái fibro xi măng có chất amiăng, khi sử dụng có nguy cơ gây bệnh ung thư, do đó khuyến cáo không được dùng cho ăn uống và không được xếp vào loại nước hợp vệ sinh.

Nước sạch (cũng là nước hợp vệ sinh): Là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt - QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 17/6/2009.

b) Nước sạch (cũng là nước hợp vệ sinh): Là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt - QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 17/6/2009.

c) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định trên tổng số hộ dân của xã tại cùng thời điểm đánh giá.

d) Việc đánh giá thực hiện tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch áp dụng theo Hướng dẫn thực hiện đánh giá tiêu chí Thủy lợi; chỉ tiêu Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định thuộc tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 như sau:

- Đối với xã chưa có công trình cấp nước tập trung:

+ Giới hạn các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn Quốc gia theo *Biểu 3 đính kèm*.

+ Đánh giá hiện trạng cấp nước sinh hoạt hộ gia đình tại thôn theo *Biểu 4 đính kèm*.

+ Đánh giá tình hình cấp nước sinh hoạt của xã theo *Biểu 5 đính kèm*.

- Đối với xã có công trình cấp nước tập trung:

Tiến hành đánh giá như đối với xã không có công trình cấp nước tập trung như quy định. Ngoài việc đáp ứng các tiêu chí chung đối với xã chưa có công trình cấp nước tập trung, tất cả công trình cấp nước tập trung hiện có trên địa bàn xã tại thời điểm đánh giá phải đáp ứng đầy đủ 5 điều kiện về công trình cấp nước bền vững, bao gồm:

- + Có tổ chức/cá nhân được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình;
- + Có ít nhất 01 cán bộ quản lý, vận hành đã tham gia khóa đào tạo, tập huấn về quản lý, vận hành công trình;
- + Có ít nhất 60% hộ gia đình đầu nối và sử dụng nước theo thiết kế được duyệt;
- + Chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn quốc gia (QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 17/6/2009);
- + Tiền nước ít nhất đảm bảo đủ trang trải cho chi phí quản lý vận hành và sửa chữa nhỏ.

Đánh giá mức độ bền vững công trình cấp nước tập trung trên địa bàn xã theo *Biểu 6 đính kèm*.

**2. Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường khi:**

a) Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả thải nước thải vào nguồn nước theo quy định (nếu có);

- Phương án bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

b) Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu trên về phân loại, xử lý chất thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn); nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

c) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo:

- Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản;

- Không xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển;

- Không nuôi trồng thủy sản trong rừng ngập mặn khi chưa được cấp phép theo quy định.

d) 100% các làng nghề trên địa bàn quản lý (nếu có) phải đảm bảo:



- Thực hiện đúng quy định của địa phương về bảo vệ môi trường
- Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề;
- Có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải theo quy định;
- Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

**3. Cảnh quan, môi trường được đánh giá xanh - sạch - đẹp, an toàn khi đảm bảo các điều kiện sau:**

- a) Các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan;
- b) Hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ.

**4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch** khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng, Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

**5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định khi:**

a) Về nước thải

- Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng;
- Có điểm thu gom nước thải và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp nước thải trước khi đổ vào các kênh, mương, sông, hồ.

b) Về chất thải rắn

- Không để xảy ra tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường.
- Có phương án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh, trong đó nêu rõ:
  - + Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển;
  - + Chúng loại, số lượng phương tiện vận chuyển;
  - + Cách thức phân loại;
  - + Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư;
  - + Vị trí các điểm trung chuyển (nếu có).

- Điểm tập kết chất thải rắn trong khu dân cư (nếu có) phải đảm bảo hợp vệ sinh.
- Có Hương ước, quy ước đối với từng khu dân cư với sự tham gia của tất cả các hộ, cơ sở cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải rắn, nước thải.

**6. Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) khi:**

- a) Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện sau:
  - Được xây dựng khép kín với diện tích tối thiểu 0,6 m<sup>2</sup>;
  - Chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường;
  - Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân (virut, vi khuẩn);
  - Không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở;
  - Không gây mùi hôi, khó chịu.
- b) Nhà tắm hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:
  - Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che;
  - Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định.
- c) Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:
  - Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng;
  - Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền:
    - + Bể chứa nước được xây dựng bằng gạch hoặc bê tông;
    - + Lu trữ nước xi măng theo quy định;
    - + Lu sành, khạp, chum, vại <200 lít;
    - + Dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa.
  - Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van xả cạn và van xả tràn.
  - Vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần vệ sinh ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B, hoặc clorua vôi.
- d) Đảm bảo 3 sạch: sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động.

**7. Có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

- a) Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước;
- b) Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;
- c) Có đủ hồ sơ, thủ tục về BVMT như đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- d) Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

**8. Việc đánh giá hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm áp dụng theo quy định sau:**

a) Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bao gồm:

- Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, khai thác nông lâm thủy sản; nuôi trồng thủy sản; tào cá; sản xuất, khai thác muối);
- Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm;
- Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm.

b) Phạm vi áp dụng:

Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã nông thôn mới (trừ hộ gia đình và cơ sở sản xuất chỉ để tiêu dùng, không bán sản phẩm ra thị trường).

c) Hướng dẫn thực hiện chi tiết theo Biểu 7 đính kèm

d) Phương pháp đánh giá:

Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, bao gồm:

- Danh sách thống kê các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh).

Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Thông tin việc tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tương ứng với từng loại hình cơ sở, cụ thể:

+ Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp);

+ Ngày làm Bản ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của hộ gia đình và cơ sở;

+ Ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ quan chức năng.

## Mục 14

### TIÊU CHÍ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

#### 1. Quy định đạt chuẩn của cán bộ, công chức xã

- Cán bộ xã đạt chuẩn khi đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

- Công chức xã đạt chuẩn khi đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

2. Hệ thống tổ chức chính trị ở xã ( bao gồm: Tổ chức Đảng; chính quyền; tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã) được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”: Theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương tại Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 25/9/2014 về kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm.

Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” khi đạt danh hiệu xuất sắc toàn diện trong năm.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên khi đáp ứng các yêu cầu và được tổ chức chính trị - xã hội cấp trên đánh giá, công nhận đạt danh hiệu.

5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đáp ứng các yêu cầu về các tiêu chí tiếp cận pháp luật và điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

6. Xã được đánh giá đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã (bao gồm các chức danh sau đây: Bí thư Đảng ủy xã; Phó bí thư Đảng ủy xã; Chủ tịch UBND xã; Phó Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã; ...).

- 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

- Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã.

- Có ít nhất 01 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng đạt chuẩn.

## Mục 15

### TIÊU CHÍ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

**1. Xây dựng lực lượng dân quân “*Vững mạnh, rộng khắp*” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng** khi đáp ứng các yêu cầu theo Hướng dẫn của Bộ Quốc phòng; cụ thể như sau:

a) Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã

- Số lượng cán bộ: Theo quy định của pháp luật:

+ Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm. Số lượng Chỉ huy phó ở các xã trọng điểm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

+ Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; đến năm 2020 có 100% cán bộ quân sự cấp xã được đào tạo trình độ trung cấp ngành quân sự cơ sở đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, trình độ cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành quân sự cơ sở đối các xã còn lại. Hằng năm phải được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn;

- Nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự xã: Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Trưởng, Phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật.

- Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong dân quân đạt từ 18% trở lên; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định;

- Thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên.

b) Xây dựng lực lượng dân quân “*Vững mạnh, rộng khắp*”

- Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị:

+ Tổ chức biên chế đơn vị dân quân tự vệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

+ Hằng năm, Ban chỉ huy Quân sự tham mưu cho UBND xã tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định dân quân nòng cốt đã hoàn thành nhiệm vụ.

+ Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo Thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.

- Huấn luyện: Hàng năm các đối tượng dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Bộ Quốc phòng.

- Hoạt động: Thực hiện theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ ban hành quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

c) Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng

- Có đầy đủ các kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng;

- Tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm theo chỉ tiêu Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện giao, đảm bảo chất lượng;

- 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ.

- 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

- Hàng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của pháp luật.

- Lập danh sách lực lượng dân quân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao.

- Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quân chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

**2. Xã được đánh giá đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên khi:**

Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước, khi đáp ứng đủ các nội dung được quy định tại Hướng dẫn số 07/HD-BCA-V28 ngày 18/11/2016 của Bộ Công an.

**Biểu 1: Đánh giá xã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ**

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
<b>I</b>	<b>Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực</b>			
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, hàng năm được kiện toàn.		
		b) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương		
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ.		
		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng quản lý đê nhân dân (nếu có) được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.		
		c) Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.		
<b>II</b>	<b>Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh</b>			
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ.		
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương		
3	Thực hiện có hiệu quả KH phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã phải chuẩn bị, duy trì thường xuyên hoặc có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương		

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.</p> <p>b) Có 100% tổ chức và từ 70% trở lên số hộ gia đình, cá nhân trong vùng thường xuyên bị thiên tai chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt và theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo TW về PCTT - Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn</p>		
<b>III Về cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>				
1	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đê điều (nếu có).		
		b) 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.		
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ		
		b) 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo		
3	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.		



**Biểu 2: Đánh giá kết quả thực hiện nội dung Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững**

Chỉ tiêu	Chỉ số kiểm chứng		Đánh giá		Lý do không đạt
	Nội dung	Chỉ số	Đạt	Không đạt	
Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Xác định sản phẩm chủ lực của xã	Sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh;			
		Có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã;			
		Hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng.			
		Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc đề án tái cơ cấu của xã.			
	Có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết (bằng văn bản)	Ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ thu hoạch đối với các sản phẩm khác			
		Sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết;			
		Giá mua sản phẩm không thấp hơn giá trị trường tại thời điểm thu hoạch;			
		Không xảy ra hiện tượng phá vỡ hợp đồng liên kết trên địa bàn xã.			

**Biểu 3: Bảng giới hạn các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn Quốc gia**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	
			I	II
1	Màu sắc(*)	TCU	15	15
2	Mùi vị(*)	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	5	5
4	Clo dư	mg/l	Trong khoảng 0,3-0,5	-
5	pH(*)	-	6,0 > < 8,5	6,0 > < 8,5
6	Hàm lượng Amoni(*)	mg/l	3	3
7	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> )(*)	mg/l	0,5	0,5
8	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	4	4
9	Độ cứng tính theo CaCO <sub>3</sub> (*)	mg/l	350	-
10	Hàm lượng Clorua(*)	mg/l	300	-
11	Hàm lượng Florua	mg/l	1,5	-
12	Hàm lượng Asen tổng số	mg/l	0,01	0,05
13	Coliform tổng số	Vi khuẩn/ 100ml	50	150
14	E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt	Vi khuẩn/ 100ml	0	20

**Ghi chú:**

- (\*) Là chỉ tiêu cảm quan.

- Giới hạn tối đa cho phép I: Áp dụng đối với các cơ sở cung cấp nước.

- Giới hạn tối đa cho phép II: Áp dụng đối với các hình thức khai thác nước của cá nhân, hộ gia đình (các hình thức cấp nước bằng đường ống chỉ qua xử lý đơn giản như giếng khoan, giếng đào, bể mưa, máng lắn, đường ống tự chảy).

**Biểu 4: Biểu mẫu tổng hợp hiện trạng cấp nước sinh hoạt hộ gia đình tại thôn/xã**

TT	Họ và tên chủ hộ	Nguồn và loại hình cấp nước hộ gia đình đang sử dụng cho sinh hoạt						Đánh giá điều kiện nước cấp			
		Sông, suối	Hồ, ao	Giếng khoan	Giếng đào	Cấp nước tập trung	Loại hình cấp nước khác	Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	Nước sạch	Nước không sạch
1								1	0	1	0
2								0	1	0	1
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
...											
<b>Tổng số</b>											

Đánh giá: Thôn đạt tiêu chí chung về tỷ lệ nước hợp vệ sinh: Có/không

Thôn đạt tiêu chí chung về tỷ lệ nước sạch: Có/không

Các hoạt động lãnh đạo thôn cần thực hiện:

.....  
 .....  
 .....

**Biểu 5: Biểu mẫu tổng hợp tình hình cấp nước sinh hoạt xã.....**

TT	Tên thôn	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh		Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch		Ghi chú
			Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	
1	Thôn A	150	120	80	100	67	
2	Thôn B	200	160	80	160	80	
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
Tổng cộng		350	280	80	260	74	

Đánh giá: Đạt tiêu chí về nước hợp vệ sinh: Có/không

Đạt tiêu chí về tỷ lệ nước sạch : Có/không

Các hoạt động lãnh đạo UBND xã cần chỉ đạo các thôn thực hiện:

.....  
 .....  
 .....

**Biểu 6: Biểu mẫu tổng hợp đánh giá mức độ bền vững công trình cấp nước tập trung trên địa bàn thôn và xã**

TT	Tên công trình	Quyết định giao đơn vị/cá nhân quản lý, khai thác		Năng lực cán bộ vận hành		Số hộ cấp nước		Đánh giá bền vững tài chính		Chất lượng nước		Ghi chú
				Tổng số	Số cán bộ có chứng chỉ vận hành	Số hộ theo thiết kế	số hộ sử dụng thực tế	Giá nước	Thuđầubì chi (có/không)	Đáp ứng quy chuẩn	Không đáp ứng	
1	Cấp nước tập trung thôn ...	Có	Không									
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												

**Đánh giá chung:**

Số công trình cấp nước tập trung trên địa bàn đáp ứng tiêu chí bền vững:

.....Công trình/.....Tổng số công trình

Nội dung đề nghị triển khai thực hiện đối với các công trình chưa đạt yêu cầu

.....  
 .....  
 .....

**Biểu 7: Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm**

Stt	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu</b>		
1	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ	Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn với cơ quan quản lý được UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp	Thông tư 51/2014/TT-BNNPINT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu (không thuộc đối tượng nhỏ lẻ)	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 45/2014/TT-BNNPINT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng ban đầu nhỏ lẻ	Cơ sở phải tự xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ về điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở ít nhất 1 lần/năm và được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.	Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế
<b>II</b>	<b>Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm (*)</b>		
1	Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực  Có kết quả kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPINT của Bộ Nông nghiệp và PTNT đạt loại A hoặc B và còn hiệu lực (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPINT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hộ gia đình, cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực theo quy định của pháp luật)	Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế
3	Hộ gia đình, cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 58/2014/TT-BCT

	vi quản lý của Bộ Công thương	Giấy cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với cơ quan thẩm quyền tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và phân cấp quản lý (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).	22/12/2014 của Bộ Công thương Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công thương Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
<b>III Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm (*)</b>			
1	Chợ đầu mối, đấu giá nông sản	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực Có kết quả kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT đạt loại A hoặc B và còn hiệu lực (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (trừ các cơ sở nêu tại mục III.4, III.5).	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế
4	Hộ gia đình, cơ sở KD nhỏ lẻ không có yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt; bán hàng rong; KD bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt (thuộc phạm vi QL của Bộ Y tế).	Cơ sở phải tự xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ về điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở ít nhất 1 lần/năm và được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.	Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế
5	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 30/2012/TT-BYT ngày 5/12/2012 của Bộ Y tế

6	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 58/2014/TT-BCT 22/12/2014 của Bộ Công thương
		Giấy cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với cơ quan thẩm quyền tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và phân cấp quản lý (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật)	

*(\* Sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của từng Bộ được quy định tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.*